

BÁO CÁO

**Kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh
6 tháng đầu năm; trọng tâm chỉ đạo, điều hành 6 tháng cuối năm 2020**

I. VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Về triển khai các chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Về triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và xây dựng đề án theo chỉ đạo của Trung ương: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tham mưu, xây dựng dự thảo kế hoạch hành động của Tỉnh ủy triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương như: Nghị quyết của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kết luận của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư; Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp và triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 218 và Thường trực Tỉnh ủy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo nghiên cứu, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và hoàn thiện Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Về xây dựng quy hoạch, kế hoạch 5 năm: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời, chỉ đạo tổ chức 06 hội thảo chuyên đề¹ để tổng hợp, hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện; chỉ đạo rà soát, hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do tỉnh quản lý.

c) Về thực hiện các chương trình trọng tâm, khâu đột phá và dự kiến các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tới: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện 05

¹ Các hội thảo: hành lang phát triển; phát triển y tế, giáo dục, đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế - xã hội; tái cơ cấu ngành nông nghiệp; lĩnh vực tài nguyên nước; huy động nguồn lực cho phát triển.

chương trình trọng tâm, 03 khâu đột phá² thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2020; đồng thời, chỉ đạo nghiên cứu, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện các chương trình trọng tâm, khâu đột phá giai đoạn 2021 - 2025 với tầm nhìn dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh, làm cơ sở hoàn thiện Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025³; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định. Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành định hướng mục tiêu phấn đấu các chỉ tiêu chủ yếu trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu chủ yếu trong dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX để các ngành, địa phương triển khai thực hiện.

d) Về triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020: ngay sau khi Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, với phương châm hành động **“Sáng tạo, kỷ cương, tăng tốc, về đích”**, trong đó xác định 11 nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, điều hành và giao 16 chỉ tiêu cụ thể cho từng ngành, địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện; đồng thời, ban hành Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp chuẩn bị các chương trình, đề án.

đ) Về xây dựng và triển khai các đề án, cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo sơ kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; chỉ đạo xây dựng quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; chính sách hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; điều chỉnh giảm có thời hạn mức thu đối với một số loại phí, lệ phí cho các dịch vụ công bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; giá sản phẩm, dịch công ích thủy lợi thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ

² Chương trình trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020, gồm: (1) Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; (2) Chương trình phát triển KKT Nghi Sơn và các KCN; (3) Chương trình phát triển du lịch; (4) Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực; (5) Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững.

Khâu đột phá giai đoạn 2016 - 2020, gồm: (1) Khâu đột phá về phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; (2) Khâu đột phá về cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; (3) Khâu đột phá về nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

³ Chương trình trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025, gồm: 1) Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; (2) Chương trình phát triển KKT Nghi Sơn và các KCN; (3) Chương trình phát triển du lịch; (4) Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế; (5) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Tây Thanh Hóa, trọng tâm là nâng cao hiệu quả sản xuất, sắp xếp bố trí ổn định dân cư, giảm nghèo nhanh và bền vững.

Khâu đột phá giai đoạn 2021 - 2025, gồm: (1) phát triển hạ tầng giai đoạn 2021 - 2025, tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp và hạ tầng đô thị; (2) đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư; (3) nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật; chủ động, tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

ngọt của 02 công trình Âu Báo Văn và Âu Mỹ Quan Trang để trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết.

e) Về thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh tại các kỳ họp: tại Kỳ họp Thứ 11, HĐND tỉnh khóa XVII đã ban hành 25 nghị quyết, trong đó có 24 nghị quyết giao UBND tỉnh cụ thể hóa để triển khai thực hiện. Đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị liên quan tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện 24/24 nghị quyết, đạt 100%.

2. Về chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực

2.1. Trong công tác phòng, chống dịch Covid-19

Ngay từ những ngày đầu xuất hiện dịch Covid-19, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung cao cho công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, sáng tạo, có hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch Covid-19, hướng dẫn của Bộ Y tế và chỉ đạo của Tỉnh ủy về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh; một số hoạt động chỉ đạo sáng tạo, nổi bật trong công tác phòng, chống dịch như:

a) Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh và chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Ban Chỉ đạo tỉnh duy trì chế độ họp giao ban hàng ngày để nắm bắt tình hình, chỉ đạo triển khai kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia và hướng dẫn của ngành y tế. Đã ban hành kế hoạch về đáp ứng với các cấp độ dịch trên địa bàn tỉnh; phê duyệt Phương án triển khai điều trị cho bệnh nhân; ban hành 05 chỉ thị, 10 công điện và nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 gắn với thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

b) Về thông tin, tuyên truyền: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã nhằm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin về dịch bệnh để người dân bình tĩnh, chủ động, nắm chắc được các biện pháp và tình huống phòng, chống dịch bệnh.

b) Về thực hiện kiểm tra, giám sát dịch: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị và các Công điện để chỉ đạo thực hiện cách ly toàn xã hội, không để dịch lây lan ra cộng đồng, trong đó đã chỉ đạo Công an tỉnh thành lập 04 trạm kiểm soát cấp tỉnh trên các tuyến quốc lộ (Dốc Xây, Khe nước lạnh, Thạch Quảng, Bãi Trành) để kiểm soát người và phương tiện ra, vào tỉnh; chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ người nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế, đường mòn, lối mở, cảng biển, Cảng hàng không Thọ Xuân; chỉ đạo thành lập Tổ giám sát cấp huyện, cấp xã, Tổ giám sát thôn, bản, khu phố để đi đến từng ngõ, gõ cửa từng nhà, rà từng đối tượng, nhất là đối tượng đi từ nước ngoài, tỉnh ngoài về địa phương và tất cả những người liên quan đến ổ dịch Bệnh viện Bạch Mai.

c) Về cách ly, ngăn ngừa lây lan nguồn bệnh: đã chỉ đạo thực hiện nghiêm

quy định về cách ly tập trung 14 ngày đối với tất cả các trường hợp có nguy cơ nhiễm bệnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của ngành y tế; đối với các trường hợp không thuộc đối tượng phải cách ly tập trung, thực hiện cách ly tại gia đình, doanh nghiệp, các cơ sở lưu trú; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở thực hiện nghiêm việc cấm tập trung đông người tại nơi công cộng, giữ khoảng cách tối thiểu khi giao tiếp và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch của người dân, cộng đồng, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn trong thời gian thực hiện cách ly toàn xã hội.

d) Về thực hiện các biện pháp dập dịch: ngay sau khi phát hiện bệnh nhân đầu tiên của tỉnh dương tính với SARS-CoV-2, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo cách ly, triển khai phương án điều trị kịp thời.

Trong bối cảnh dịch bệnh có nguy cơ bùng phát trên diện rộng, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, thuốc men, vật tư, hóa chất phục vụ công tác phòng chống dịch theo các cấp độ dịch; điều chỉnh công năng một số bệnh viện trở thành bệnh viện chuyên điều trị Covid-19 tập trung; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, nâng công suất xét nghiệm Covid-19 của Trung tâm lên 350 - 450 mẫu/ngày nhằm rút ngắn thời gian và đáp ứng yêu cầu xét nghiệm trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố, thành lập 117 khu cách ly tập trung và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, đảm bảo khả năng thu dung 10.000 đối tượng.

đ) Về vệ sinh, tiêu độc, khử trùng: sau khi phát hiện bệnh nhân đầu tiên của tỉnh, cùng với việc thực hiện điều trị, cách ly tập trung, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện ngay các biện pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng tại nơi cư trú của bệnh nhân và tại cơ sở y tế chữa trị cho bệnh nhân. Trong thời gian dịch bệnh có nguy cơ bùng phát cao, đã chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị tập trung tiêu độc, khử trùng, vệ sinh nơi công sở, trụ sở làm việc, nơi công cộng (chợ, bến xe, bến tàu, công viên, bệnh viện, trường học, cảng hàng không...), phòng họp, nhà ăn...

Do công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sáng tạo, kịp thời, có hiệu quả, cùng với sự nỗ lực cố gắng của cả hệ thống chính trị, nòng cốt là ngành y tế, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và ý thức chấp hành của người dân rất tốt, nên công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã đạt hiệu quả cao; mặc dù là một trong những địa phương trong cả nước có bệnh nhân đầu tiên bị mắc bệnh nhưng đã được điều trị, chữa khỏi, không để lây lan thứ phát ra cộng đồng và được xếp vào nhóm tỉnh có nguy cơ thấp.

2.2. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020: thực hiện “nhiệm vụ kép” là vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 16/3/2020 và UBND tỉnh đã tham mưu cho Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách nhằm hạn chế tác động của dịch Covid-19 đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) *Trong lĩnh vực nông nghiệp*: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp gieo trồng, chăm sóc, bảo vệ cây trồng; phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện có hiệu quả chính sách tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ; thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, trọng tâm là dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm A/H₅N₆; tăng cường quản lý, kiểm soát việc nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ các loài động vật hoang dã trái phép; phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ phát triển rừng; tăng cường kiểm soát xuất, nhập khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ ứng phó yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19; xây dựng phương án bàn giao, tiếp nhận và quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng Khu bảo tồn loài Sến Tam Quy, rừng phòng hộ Hà Trung; chỉ đạo thực hiện các biện pháp đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản; kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật nuôi ngao; chỉ đạo quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; các biện pháp bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hồ đê, phòng chống lụt bão; chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh xây dựng huyện, xã, thôn, bản nông thôn mới và chương trình mỗi xã một sản phẩm.

b) *Trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm*: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2020; tăng cường quản lý vận chuyển, giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm và kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn về an toàn thực phẩm; chỉ đạo xây dựng và ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận chợ kinh doanh thực phẩm đối với chợ tạm trên địa bàn tỉnh.

c) *Trong lĩnh vực công nghiệp, giao thông, xây dựng và phát triển đô thị*: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo nắm chắc tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến GPMB⁴, giao đất, cho thuê đất, nguồn vốn, nguyên vật liệu⁵, thị trường tiêu thụ, lao động, nhập cảnh của các chuyên gia⁶, cấp điện, cấp nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời gian bùng phát dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu, phải thực hiện cách ly xã hội; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp trọng điểm, quy mô lớn; chỉ đạo tăng cường công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn; quản lý hành lang an toàn lưới điện cao áp, bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt;

⁴ Nhất là dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hóa, đường dây 500 KV đầu nối nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện quốc gia, tuyến đường bộ ven biển.

⁵ Nhà máy xi măng Long Sơn, xi măng Bim Sơn, các nhà máy may mặc, giày da.

⁶ Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Nghi Sơn 2, các nhà máy may, giày da.

thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện; tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than; rà soát, bổ sung danh mục các dự án phát triển nhà ở xã hội; đẩy mạnh thực hiện đề án an ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản; xây dựng quy chế phối hợp trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; huy động vốn xã hội hóa để lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp, đô thị trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, Khu kinh tế Nghi Sơn; ban hành kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu 35%; phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn, Hoằng Hóa; chỉ đạo hoàn chỉnh hồ sơ để trình phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa.

d) Trong lĩnh vực dịch vụ: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường quản lý nhà nước về giá, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng, nhất là các mặt hàng phục vụ phòng, chống dịch Covid-19; đẩy mạnh phát triển thương mại nội địa; hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp; chỉ đạo thực hiện một số giải pháp hỗ trợ kích cầu du lịch; đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa bằng container đi quốc tế qua cảng Nghi Sơn; nâng cao hiệu quả khai thác Cảng hàng không Thọ Xuân và kêu gọi các hãng hàng không mở mới các đường bay; tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh, khai thác du lịch tại Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng và chấn chỉnh, xử lý sai phạm tại di tích danh lam thắng cảnh quốc gia núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.

đ) Trong lĩnh vực đầu tư: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo phân bổ vốn các chương trình mục tiêu, các dự án sử dụng vốn nước ngoài, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa phân bổ chi tiết; tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công; quản lý đầu tư nước ngoài, hạn chế phát sinh các vụ việc tranh chấp quốc tế; chỉ đạo hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Đầu tư công năm 2019; đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để phân bổ vốn kế hoạch năm 2020; báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, thu hồi vốn tạm ứng và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu và thúc đẩy áp dụng đấu thầu qua mạng; tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, nhất là các dự án thực hiện theo hợp đồng BT; giải quyết các vướng mắc liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ; chỉ đạo rà soát các dự án đã hết hiệu lực pháp lý chủ trương đầu tư và tạm dừng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thương mại dịch vụ theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

e) Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện sớm việc phân bổ kinh phí, kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án; kịp thời bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh; chỉ đạo rà soát, cắt giảm các nhiệm vụ

chỉ chưa thực sự cần thiết trong dự toán năm 2020 để có nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid-19; tăng cường các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu, gian lận thuế; thực hiện các biện pháp thu hồi nợ đọng thuế, tiền sử dụng đất; chỉ đạo triển khai các chính sách thuế cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; rà soát giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; tăng cường quản lý hoạt động đầu giá quyền sử dụng đất; chỉ đạo xây dựng định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và việc giao quản lý, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

g) Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện; tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng và quản lý cát, sỏi lòng sông, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; ngăn chặn và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở sản xuất bột giấy và giấy vàng mã; kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải; phê duyệt phương án xử lý chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường không khí và công tác dự báo khí tượng thủy văn phục vụ chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tăng cường quản lý chất thải trong phòng, chống dịch Covid-19; chỉ đạo tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch GPMB năm 2020 tại các địa phương; chỉ đạo báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bảo vệ môi trường; ban hành kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống.

h) Trong lĩnh vực đối ngoại, xúc tiến đầu tư: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, thông tin đối ngoại; tăng cường quản lý người nhập cảnh vì mục đích ngoại giao, công vụ và các chuyên gia và quản lý đoàn ra, đoàn vào trong thời gian thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tiếp tục tăng cường phối hợp, liên hệ chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, Đại sứ quán các nước tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các cơ quan phát triển, các nhà tài trợ để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư; tập trung chỉ đạo chuẩn bị để tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa năm 2020; chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

i) Về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tăng cường cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là ban hành danh mục và đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã và xây dựng phòng họp không giấy tờ;

tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành và tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính trên các lĩnh vực; đến nay, tất cả các sở, ngành và UBND cấp huyện đã hoàn thành nhiệm vụ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng; chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chỉ đạo xây dựng đề án đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và UBND cấp huyện để triển khai thực hiện; tăng cường hỗ trợ đào tạo doanh nghiệp, trọng tâm là thực hiện kế hoạch đào tạo khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân; Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục duy trì công tác tiếp doanh nghiệp định kỳ hàng tháng và chỉ đạo Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí ít nhất 01 ngày trong tháng để tiếp doanh nghiệp.

k) Trong lĩnh vực nội vụ: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng đề án thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, các phường thuộc thành phố Thanh Hóa, thị trấn Quý Lộc, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định; đổi tên thôn, bản, tổ dân phố tại các xã, phường, thị trấn; phân loại đơn vị hành chính cấp xã, phân loại thôn, tổ dân phố; sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và công tác cán bộ, tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; chỉ đạo thành lập, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, bộ máy của một số cơ quan, đơn vị⁷; chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện để tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính và từ ngạch nhân viên, cán sự lên chuyên viên; phê duyệt đề án vị trí việc làm của một số đơn vị sự nghiệp công lập⁸; kiểm tra, chấn chỉnh công tác tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị.

l) Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức các hoạt động văn hóa lớn, đặc biệt là các hoạt động Kỷ niệm 60 năm kết nghĩa hai tỉnh Thanh Hóa - Quảng Nam và 90 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa; chấn chỉnh, xử lý các sai phạm trong hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích; thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019 - 2020 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia 2020 và tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2020 - 2021; triển khai học trực tuyến trên truyền hình; ban hành quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; xây dựng đề án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giai đoạn 2021 - 2025 cho các trường THPT, trường THCS và THPT để đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025; hoàn thiện đề án thí điểm tự chủ ở một số trường phổ thông công lập; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao; chỉ đạo nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường công tác phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, quản lý hoạt động hành nghề y, dược và quản lý chi

⁷ Thành lập Trung tâm Đăng kiểm tàu cá, trực thuộc Chi cục Thủy sản; Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y; bổ sung Phòng Điều hành dự án thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN. Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh.

⁸ Gồm: Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN.

quỹ bảo hiểm y tế cho khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế; chỉ đạo xây dựng đề án phát triển Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

m) Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đợt 1 năm 2020; tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra, kiểm soát tải trọng xe; tăng cường đấu tranh, chấn áp các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025; tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng công dân xuất cảnh, cư trú, lao động bất hợp pháp ở nước ngoài, công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và bảo vệ bí mật nhà nước; hoàn thành việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã; tăng cường công tác bảo đảm an ninh tại Cảng hàng không Thọ Xuân và công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, phòng, chống sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo trái phép trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020. Thành lập Ban Chỉ đạo và phân công các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch B.

n) Trong lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh xử lý chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp; chỉ đạo thanh tra công vụ, cải cách hành chính, quản lý đất đai, ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên trái phép, tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư ở một số ngành, địa phương và thanh tra một số đơn vị trong việc chấp hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân; tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; chỉ đạo tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tình trạng khiếu kiện kéo dài, đông người, vượt cấp; ban hành kế hoạch phối hợp tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đảm bảo an ninh trật tự phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; chỉ đạo kiểm tra, làm rõ các thông tin báo chí nêu; phối hợp chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình khiếu kiện của nhân dân để kịp thời chỉ đạo giải quyết, đảm bảo quyền hợp pháp của công dân.

o) Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm tra các ngành, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực; chấn chỉnh việc chuẩn bị các đề án và tham dự các hội nghị của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tăng cường cập nhật, rà soát, chủ

động tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn bản do Trung ương ban hành.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh

Tại Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh, có 16 chỉ tiêu chủ yếu được giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện; theo báo cáo của các ngành, địa phương, 08/16 chỉ tiêu chủ yếu có số liệu thống kê 6 tháng đầu năm; kết quả thực hiện như sau:

3.1 Chỉ tiêu về diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo hướng công nghệ cao: có phụ lục 1 kèm theo.

3.2. Chỉ tiêu về tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: có phụ lục 2 kèm theo.

3.3. Chỉ tiêu về giải phóng mặt bằng: có phụ lục 3 kèm theo.

3.4. Chỉ tiêu về thành lập mới doanh nghiệp: có phụ lục 4 kèm theo.

3.5. Chỉ tiêu về thu ngân sách nhà nước: có phụ lục 5 kèm theo.

3.6. Chỉ tiêu về tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp an toàn/tổng sản phẩm tiêu dùng trên địa bàn cho các huyện, thị xã, thành phố: có phụ lục 6 kèm theo.

3.7. Chỉ tiêu về xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn: có phụ lục 7 kèm theo.

3.8. Chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn: có phụ lục 8 kèm theo.

4. Về thực hiện Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2020 và các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

4.1. Nội dung trình UBND tỉnh: theo Chương trình công tác năm 2020, trong 6 tháng đầu năm có 38 nội dung trình UBND tỉnh; UBND tỉnh đã xem xét, cho ý kiến 25 nội dung; 05 nội dung đã báo cáo Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh, nhưng chưa báo cáo UBND tỉnh; 06 nội dung báo cáo trong tháng 6 năm 2020 và 02 nội dung chưa hoàn thành theo thời gian quy định. Ngoài ra, có 15 nội dung không nằm trong chương trình công tác năm 2020, đã được UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền.

4.2. Nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh: theo Chương trình công tác năm 2020, trong 6 tháng đầu năm có 20 nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh; đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến 06 nội dung; 04 nội dung đã báo cáo và Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đang chỉ đạo hoàn chỉnh; 02 nội dung đã hoàn thành và đang bố trí lịch để báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến; 08 nội dung chưa hoàn thành thuộc nhiệm vụ Quý II năm 2020.

(Chi tiết có phụ lục 9 kèm theo)

4.3. Về nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao: tổng số nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND

các huyện, thị xã, thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020 (tính đến ngày 09/6/2020) là 6.333 nhiệm vụ. Đến nay, các ngành, địa phương, đơn vị đã thực hiện và báo cáo 4.919 nhiệm vụ (các nhiệm vụ có yêu cầu về thời hạn báo cáo đã được hoàn thành là 2.951 nhiệm vụ, trong đó đúng hạn là 2.934 nhiệm vụ, đạt 99,4% và quá hạn là 17 nhiệm vụ); còn lại 1.414 nhiệm vụ đang thực hiện.

4.4. Về tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh: tính đến ngày 09/6/2020, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh đã tiếp nhận 30.122 hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; trong đó: đã giải quyết 27.110 hồ sơ, gồm: 12.212 hồ sơ xử lý trước hạn, 13.176 hồ sơ đúng hạn, 632 hồ sơ yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh, 863 hồ sơ xin rút lại và 127 hồ sơ xử lý quá hạn; đang giải quyết 3.112 hồ sơ (trong hạn 3.191 hồ sơ, quá hạn 21 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn trong tổng số hồ sơ đã trả cho tổ chức, cá nhân đạt 99,5%.

4.5. Về tiếp nhận và giải quyết các văn bản hành chính qua Văn phòng UBND tỉnh: tính đến ngày 09/6/2020, đã tiếp nhận 22.174 hồ sơ, văn bản; đã tham mưu giải quyết, ban hành 11.429 văn bản (11.423 hồ sơ, văn bản xử lý đúng hạn, đạt 99,96%; 06 hồ sơ, văn bản giải quyết chậm thời hạn); trong đó: có 27 văn bản quy phạm pháp luật, 2.130 quyết định, 132 kế hoạch, 21 chỉ thị và 107 thông báo kết luận, thông báo ý kiến chỉ đạo. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự trên 340 cuộc họp, hội nghị làm việc với Bộ, ngành Trung ương, các ngành, địa phương.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Trong 6 tháng đầu năm 2020, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, cụ thể trên các lĩnh vực; song, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế, khó khăn⁹, nhất là trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, đầu tư phát triển, quản lý tài nguyên và môi trường, cải cách hành chính, giải phóng mặt bằng; mặc dù có nguyên nhân khách quan do tác động của dịch Covid-19, nhưng có phần trách nhiệm thuộc công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.

2. Việc chuẩn bị các đề án trong Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ở một số ngành, địa phương, đơn vị còn chậm so với thời gian quy định trong Quy chế làm việc của UBND tỉnh (yêu cầu chậm nhất vào ngày 10 của tháng phải trình đề án, chủ đề án phải báo cáo nội dung đề án với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực để xem xét, cho ý kiến trước khi trình UBND tỉnh), nên một số đề án chưa trình UBND tỉnh theo đúng thời gian trong Chương trình công tác¹⁰; trong số 11 đề án trình Chủ tịch

⁹ Tại Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2020.

¹⁰ Như: (1) dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Tây Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, trọng tâm là nâng cao hiệu quả sản xuất, sắp xếp bố trí ổn định dân cư, giảm nghèo nhanh và bền vững (thuộc Chương trình công tác tháng 3, nhưng chưa báo cáo UBND tỉnh); (2) dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện đột phá về phát triển hạ tầng giai đoạn 2021 - 2025, tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp và hạ tầng đô thị

UBND tỉnh trong Quý II năm 2020, mới có 03 đề án báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh; còn lại 08 đề án chưa hoàn thành.

3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 ở một số ngành, địa phương, đơn vị còn hạn chế, như:

- Một số địa phương có diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo hướng công nghệ cao đạt thấp so với kế hoạch, như¹¹: TP Thanh Hóa (đạt 14,7%), Đông Sơn (21%), Bá Thước (3,5%), Quan Hóa (1,5%); một số huyện chưa thực hiện như: Lang Chánh, Mường Lát, TP Sầm Sơn.

- Kết quả giải phóng mặt bằng¹² đạt rất thấp so với kế hoạch (chỉ đạt 13,12%); 20/27 địa phương có tỷ lệ GPMB đạt thấp hơn so với bình quân toàn tỉnh, trong đó có một số địa phương đạt rất thấp (dưới 5%) như: Quảng Xương (đạt 2,84%), Nga Sơn (0,11%), TP Sầm Sơn (0,63%), Thạch Thành (2,26%), Ngọc Lặc (2,48%), Lang Chánh (0,06%), Triệu Sơn (0,52%), Quan Hóa (3,58%), Bá Thước (4,2%), Cẩm Thủy (0,83%); riêng Quan Sơn, Mường Lát chưa thực hiện.

- Một số huyện có tỷ lệ thành lập mới doanh nghiệp đạt thấp so với kế hoạch và cùng kỳ như¹³: Yên Định (đạt 33,3% KH và 66,7% cùng kỳ), Vĩnh Lộc (đạt 42% KH và 65,6% cùng kỳ), Lang Chánh (đạt 8% KH và 40% cùng kỳ), Như Thanh (đạt 25,7% KH và 47,4% cùng kỳ), Mường Lát (đạt 13,3% KH).

- Một số địa phương có tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp an toàn/tổng sản phẩm tiêu dùng trên địa bàn đạt thấp so với kế hoạch (bao gồm sản phẩm lúa gạo, rau, quả, thịt gia súc, gia cầm, thủy sản)¹⁴, như: Bim Sơn, Yên Định, Tĩnh Gia, Cẩm Thủy, Quan Sơn, Mường Lát.

4. Kỷ luật, kỷ cương, ý thức chấp hành mệnh lệnh hành chính ở một số ngành, địa phương chưa nghiêm; chưa chủ động, thiếu quyết liệt trong việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao; còn xảy ra vi phạm quy định của pháp luật trên một số lĩnh vực. Cụ thể như: Sở Tư pháp để xảy ra sai sót, khuyết điểm trong việc điều động, bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước; cán bộ, công chức thuộc UBND thành phố Thanh Hóa sai sót trong việc thẩm định, xác định hiện trạng GPMB dự án Khu dịch vụ thương mại Thủy Hới¹⁵ từ năm 2017; Giám đốc Sở Y tế thiếu quyết liệt trong thời gian đầu khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 31/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra trên địa bàn tỉnh¹⁶; Sở Tài

(thuộc Chương trình công tác tháng 4; báo cáo UBND tỉnh tại hội nghị tháng 5); (3) Đề án thành lập thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định (thuộc Chương trình công tác tháng 5, nhưng chưa báo cáo UBND tỉnh).

¹¹ Báo cáo số 80/BC-SNN&PTNT ngày 22/5/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Báo cáo

¹² Báo cáo số 84/BC-STNMT ngày 20/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tại.

¹³ Công văn số 2712/SKHĐT-TH ngày 20/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

¹⁴ Báo cáo số 125/BC-VPĐP ngày 20/5/2020 của Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

¹⁵ Công văn số 519/UBND-THKH ngày 13/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁶ Công văn số 1101/UBND-THKH ngày 03/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

nguyên và Môi trường chậm trễ trong việc tổng hợp, tham mưu kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 qua tỉnh Thanh Hóa, dẫn đến chậm báo cáo Bộ Giao thông vận tải để cân đối, bố trí vốn¹⁷; Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Quan Sơn để xảy ra sai sót trong việc trùng lắp đầu tư của dự án đường giao thông từ bản Ché Lầu đi bản Sơn, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án¹⁸; UBND huyện Tĩnh Gia chậm trễ trong công tác bồi thường GPMB dự án kè chống sạt lở và nạo vét tiêu thoát lũ Khu kinh tế trọng điểm Nghi Sơn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án¹⁹; UBND huyện Đông Sơn chậm trễ trong quyết toán GPMB thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng, kho bãi sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị điện của Công ty TNHH thương mại và xây lắp điện Minh Hưng²⁰.

5. Theo kết quả cập nhật đến ngày 09/6/2020 trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ, các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các ngành, địa phương, đơn vị năm 2020 đã thực hiện chỉ đạt 77%, thấp nhất trong những năm gần đây; hầu hết ngành, địa phương, đơn vị thực hiện nhiệm vụ (bao gồm có thời hạn và không giao thời hạn hoàn thành) đạt dưới 90%²¹, trong đó một số ngành, địa phương có tỷ lệ công việc đã thực hiện đạt rất thấp (dưới 70%), gồm: Sở Y tế (đạt 61%), và UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thanh Hóa (69%), Nga Sơn (52%), Hoằng Hóa (65%), Nông Cống (67%), Triệu Sơn (64%); UBND huyện Yên Định có tỷ lệ công việc đã thực hiện đúng hạn chỉ đạt 87,5%.

III. TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Theo dự báo, những tháng cuối năm 2020, tình ta phải đối mặt với nhiều khó, thách thức do tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế trong nước, trong tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19. Vì vậy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã định rõ quyết tâm chính trị, nỗ lực phấn đấu ở mức cao nhất, không xem xét điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020; tập trung cao độ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với phương châm hành động quyết liệt, kỷ cương, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, địa phương mình đã đề ra.

Trong 6 tháng cuối năm 2020, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế tác động của dịch Covid-19 đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 tỉnh Thanh Hóa, phấn đấu hoàn thành 100% các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đã được HĐND tỉnh

¹⁷ Công văn số 3463/UBND-CN ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁸ Công văn số 7231/UBND-THKH ngày 04/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁹ Thông báo số 69/TB-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh.

²⁰ Thông báo số 95/TB-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh.

²¹ Riêng Sở Tài chính, Ban Dân tộc có tỷ lệ công việc đã hoàn thành đạt trên 90%.

quyết nghị. Trước mắt, tập trung chỉ đạo nắm chắc tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm, như nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, luyện cán thép Nghi Sơn, các nhà máy xi măng, may mặc, giày da; đôn đốc, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, trọng tâm là các dự án lớn dự kiến hoàn thành hoặc có hợp phần hoàn thành trong năm 2020.

2. Tập trung chỉ đạo hoàn thành Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục rà soát, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoàn thiện Đề án xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngay sau khi tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị xây dựng các chương trình trọng tâm, khâu đột phá để tổ chức thực hiện thực hiện. Chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo chất lượng tốt nhất, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Chỉ đạo các ngành, địa phương, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chuẩn bị tốt các nội dung trong Chương trình công tác năm 2020 của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, trình UBND tỉnh theo thời gian quy định; đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện rà soát để điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong Chương trình công tác năm 2020 cho phù hợp.

4. Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, trọng tâm là thực hiện xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã; phấn đấu duy trì 100% văn bản, hồ sơ công việc của các cơ quan cấp tỉnh được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ các văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật); từ ngày 01/7/2020 trở đi, 100% văn bản, hồ sơ công việc của UBND cấp huyện và từ ngày 01/9/2020 trở đi, 100% văn bản, hồ sơ công việc của UBND cấp xã được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử. Tổ chức hội nghị chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

5. Chỉ đạo tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư công; đẩy nhanh quá trình hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án, nhất là các dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công năm 2020 và các dự án dự kiến trong kế hoạch đầu tư công năm 2021, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp đẩy nhanh tiến độ GPMB nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

6. Chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, phấn đấu thu ngân sách vượt dự toán năm 2020, tạo thêm nguồn lực đầu tư để bổ sung cho các dự án trọng điểm, cấp bách; tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế; kiên quyết thu hồi các khoản nợ đọng thuế, nhất nợ tiền sử dụng đất. Chỉ đạo thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

7. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội. Tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vấn đề phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ; phòng cháy, chữa cháy rừng; công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép; ô nhiễm môi trường; giải phóng mặt bằng các dự án; giải quyết việc làm.

8. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đặc biệt là an ninh biên giới, trên biển, an ninh mạng, an ninh nông thôn. Chỉ đạo quyết liệt công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho tổ chức Đại hội Đảng các cấp, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ đạo quyết liệt công tác đảm bảo an toàn giao thông, chống lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống cháy nổ, nhất là các khu vực có nguy cơ cao. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

9. Siết chặt kỷ luật kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp trên các lĩnh vực. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện khẩn trương, kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh (gồm cả các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương giao cho tỉnh, được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các ngành, địa phương, đơn vị chủ trì triển khai thực hiện) gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương, đơn vị; trước mắt, giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tham mưu thành lập một số đoàn kiểm tra của UBND tỉnh để tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống dịch bệnh, cháy rừng, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, GPMB, giải ngân vốn đầu tư công, thu chi ngân sách nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tại các ngành, địa phương và việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016, Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ, VPQH, VPCTN (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Thanh Hóa;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng



Phụ lục 1:

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC TÍCH TỤ,
TẬP TRUNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO, THEO HƯỚNG CÔNG NGHỆ CAO NĂM 2020**

Số TT	Đơn vị	KH năm 2020 (ha)	TH6 tháng năm 2020 (ha)	Trong đó (ha)							
				Trồng trọt		Chăn nuôi		Thủy sản		Lâm nghiệp	
				KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
	Toàn tỉnh	10.790	5.376	3.840	2.129	550	248	300	176	6.100	2.822
1	TP. Thanh Hóa	110	16,2	100	16,2	10					
2	TP. Sầm Sơn	10	-	10							
3	TX Bim Sơn	90	40,8	30	38,5	10	2,3			50	
4	Huyện Thọ Xuân	330	205	250	145	30	10			50	50
5	Huyện Đông Sơn	110	23	100	23	10					
6	Huyện Nông Cống	280	289,5	250	249,5	30	40				
7	Huyện Triệu Sơn	370	150	250	140	20				100	10
8	Huyện Quảng Xương	310	295	250	255	20		40	40		
9	Huyện Hà Trung	170	48	150	28	20					20
10	Huyện Nga Sơn	210	60,5	150	44,2	20	6	40	10,3		
11	Huyện Yên Định	390	336	350	314	40	22				
12	Huyện Thiệu Hóa	290	169	270	169	20					
13	Huyện Hoằng Hóa	410	101	300	60	30		80	41		
14	Huyện Hậu Lộc	290	71	200	64	30		60	5		
15	Huyện Tĩnh Gia	560	322	150	42	30	20	80	60	300	200
16	Huyện Vĩnh Lộc	270	174	150	88	20	6		20	100	60
17	Huyện Thạch Thành	650	165,1	120	83	30	52,1			500	30
18	Huyện Cẩm Thủy	780	155	150	45	30	10			600	100
19	Huyện Ngọc Lặc	650	530	120	75	30	15			500	440
20	Huyện Lang Chánh	590		70		20				500	
21	Huyện Như Xuân	630	659	100	118	30	39			500	502
22	Huyện Như Thanh	620	560	100	50	20				500	510
23	Huyện Thường Xuân	740	470	120	70	20				600	400
24	Huyện Bá Thước	610	21,3	100	5,5	10	15,8			500	
25	Huyện Quan Sơn	510	510			10	10			500	500
26	Huyện Quan Hóa	505	6,5		6,5	5				500	
27	Huyện Mường Lát	305				5				300	

Phụ lục 2:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4 CHO CÁC NGÀNH,
ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ NĂM 2020 TÍNH ĐẾN NGÀY 15/5/2020**

Số TT	Tên đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ tối thiểu được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3 trong tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của đơn vị (gồm cả trực tuyến, trực tiếp và qua bưu chính)		Tỷ lệ hồ sơ tối thiểu được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 4 trong tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của đơn vị (gồm cả trực tuyến, trực tiếp và qua bưu chính)	
		KH năm 2020	TH 6 tháng năm 2020	KH năm 2020	TH 6 tháng năm 2020
I	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh				
1	Sở Công Thương	40%		30%	88,5%
2	Sở Giao thông vận tải	40%	75%	30%	93,2%
3	Sở Xây dựng	40%	15,3%	30%	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40%		30%	
5	Sở Tài chính	40%		30%	
6	Sở Nông nghiệp và PTNT	40%	94,6%	30%	100%
7	Sở Khoa học và Công nghệ	40%	80%	30%	100%
8	Sở Nội vụ	40%		30%	
9	Sở Ngoại vụ	40%		30%	
10	Sở Tư pháp	40%	0,57%	30%	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	40%	100%	30%	100%
12	Sở Thông tin và Truyền thông	40%	100%	30%	100%
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	40%	100%	30%	100%
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	40%	75%	30%	93,2%
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40%		30%	100%
16	Sở Y tế	40%	87%	30%	100%
17	Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	40%	14,3%	30%	
18	Bảo hiểm xã hội tỉnh	40%		30%	
19	Công ty điện lực Thanh Hóa	40%		30%	
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố				
1	TP. Thanh Hoá	30%	93,3%	10%	100%
2	Thị xã Bim Sơn	30%	100%	10%	100%
3	Huyện Thọ Xuân	30%	95,92	10%	

Số TT	Tên đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ tối thiểu được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3 trong tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của đơn vị (gồm cả trực tuyến, trực tiếp và qua bưu chính)		Tỷ lệ hồ sơ tối thiểu được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 4 trong tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của đơn vị (gồm cả trực tuyến, trực tiếp và qua bưu chính)	
		KH năm 2020	TH 6 tháng năm 2020	KH năm 2020	TH 6 tháng năm 2020
4	Huyện Đông Sơn	30%	100%	10%	50%
5	Huyện Nông Cống	30%	96,7%	10%	
6	Huyện Triệu Sơn	30%	98,4%	10%	
7	Huyện Hà Trung	30%	63,6%	10%	
8	Huyện Yên Định	30%	98,5%	10%	
9	Huyện Thiệu Hoá	30%	100%	10%	100%
10	Huyện Vĩnh Lộc	30%	100%	10%	
11	Thành phố Sầm Sơn	30%	98,6%	10%	
12	Huyện Tĩnh Gia	30%	86,8%	10%	
13	Huyện Quảng Xương	30%	100%	10%	100%
14	Huyện Hoằng Hoá	30%	92,9%	10%	75,00%
15	Huyện Hậu Lộc	30%	98,6%	10%	
16	Huyện Nga Sơn	30%	87,6%	10%	100%
17	Huyện Thạch Thành	30%	90,5%	10%	100%
18	Huyện Cẩm Thủy	30%	98,3%	10%	
19	Huyện Ngọc Lặc	30%	48,4%	10%	
20	Huyện Lang Chánh	30%	100%	10%	
21	Huyện Như Xuân	30%	86,2%	10%	
22	Huyện Như Thanh	30%	100%	10%	
23	Huyện Thường Xuân	30%	95,5%	10%	
24	Huyện Bá Thước	30%	94,1%	10%	
25	Huyện Quan Hoá	30%	100%	10%	
26	Huyện Quan Sơn	30%	86,6%	10%	
27	Huyện Mường Lát	30%	93,7%	10%	

Phụ lục 3
KẾT QUẢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2020

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 44/KH-UBND của UBND tỉnh		Kế hoạch của UBND huyện sau khi rà soát		Kết quả thực hiện (Đến ngày 15/5/2020)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 15/5/2020 so với	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	KH số 44/KH-UBND (%)	Sau rà soát của huyện (%)
	Toàn tỉnh	1630	4.518,67	1.623	4.658,98	3.532,70	1.649,75	1.253,31	611,09	13,52	13,12
1	Huyện Tĩnh Gia	91	624,97	91	624,97	539,20	277,09	186,28	120,74	19,32	19,32
2	Huyện Quảng Xương	76	245,34	77	245,39	163,12	28,99	25,29	5,36	2,18	2,84
3	Huyện Nga Sơn	63	132,32	63	132,32	60,96	2,67	2,67	0,15	0,11	0,11
4	Huyện Thiệu Hóa	139	163,61	139	170,20	132,90	22,24	16,74	8,94	5,46	5,25
5	Thành phố Sầm Sơn	39	286,39	39	286,39	286,39	32,47	10,42	1,80	0,63	0,63
6	Huyện Hà Trung	85	214,70	85	188,60	166,44	58,57	41,73	38,08	17,74	20,19
7	Huyện Thạch Thành	16	34,87	20	171,79	64,37	24,88	9,48	3,88	11,13	2,26
8	Thành phố Thanh Hóa	88	132,33	87	213,62	14,20	111,96	81,38	22,10	16,70	10,35
9	Huyện Ngọc Lặc	49	234,15	46	120,73	120,73	98,33	86,29	3	1,28	2,48
10	Huyện Lang Chánh	17	39,84	16	39,07	39,07	15,912	8,992	0,025	0,06	0,06
11	Huyện Yên Định	58	157,56	58	153,21	75,97	75,96	75,76	40,77	25,88	26,61
12	Huyện Như Thanh	51	52,23	51	52,23	29,80	12,97	6,51	6,51	12,46	12,46
13	Huyện Đông Sơn	119	149,05	120	159,29	145,02	160,01	144,87	48,44	32,50	30,41
14	Huyện Triệu Sơn	90	229,22	90	250,40	194,33	127,18	68,95	1,30	0,57	0,52
15	Huyện Nông Cống	34	226,68	34	226,68	172,34	169,10	165,53	134,13	59,17	59,17
16	Huyện Như Xuân	55	820,98	55	820,98	820,98	125,56	114,27	91,43	11,14	11,14
17	Huyện Thường Xuân	20	42,98	21	62,99	62,99	62,99	58,47	31,28	72,78	49,66

Số TT	Tên dự án	Theo KH số 44/KH-UBND của UBND tỉnh		Kế hoạch của UBND huyện sau khi rà soát		Kết quả thực hiện (Đến ngày 15/5/2020)				Tỷ lệ kết quả thực hiện đến ngày 15/5/2020 so với	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Đã ký cam kết GPMB (ha)	Đo đạc, kiểm kê (ha)	Lập phương án BT (ha)	Đã chi trả tiền BT (ha)	KH số 44/KH-UBND (%)	Sau rà soát của huyện (%)
18	Huyện Quan Sơn	7	25,10	7	27,50	17					
19	Huyện Mường Lát	14	36,64	12	36,64	24,42	24,42	13,02			
20	Huyện Quan Hóa	19	73,93	22	73,93	8,98	8,98	8,98	2,65	3,58	3,58
21	Thị xã Bỉm Sơn	13	86,06	14	98,85	48,87	31,54	10,85	9,13	10,61	9,24
22	Huyện Bá Thước	30	30,09	28	29,61	3	1,25	1,25	1,25	4,15	4,22
23	Huyện Cẩm Thủy	64	48,24	63	48,14	48,14	34,43	7,47	0,4	0,83	0,83
24	Huyện Hoằng Hóa	78	73,05	78	73,05	73,05	30,32	13,28	13,28	18,18	18,18
25	Huyện Hậu Lộc	87	150,09	84	145,16	112,36	27,49	21,28	7,54	5,02	5,19
26	Huyện Vĩnh Lộc	125	107,99	120	106,96	54,51	38,24	27,41	11,29	10,46	10,56
27	Huyện Thọ Xuân	103	100,28	103	100,28	53,55	46,20	46,14	7,61	7,59	7,59

Phụ lục 4
KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện		So sánh	
			6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch (%)	So sánh cùng kỳ (%)
	TỔNG SỐ	3.000	1.292	1.321	44,0	102,2
1	TP. Thanh Hoá	1.200	551	577	104,7	48,1
2	Thị xã Bỉm Sơn	100	33	43	130,3	43,0
3	Huyện Thọ Xuân	180	114	85	74,6	47,2
4	Huyện Đông Sơn	60	25	30	120,0	50,0
5	Huyện Nông Cống	75	37	29	78,4	38,7
6	Huyện Triệu Sơn	80	27	49	181,5	61,3
7	Huyện Hà Trung	70	21	24	114,3	34,3
8	Huyện Yên Định	90	45	30	66,7	33,3
9	Huyện Thiệu Hoá	60	18	23	127,8	38,3
10	Huyện Vĩnh Lộc	50	32	21	65,6	42,0
11	Thành phố Sầm Sơn	130	33	42	32,3	127,3
12	Huyện Tĩnh Gia	160	54	65	120,4	50,0
13	Huyện Hậu Lộc	60	66	80	121,2	50,0
14	Huyện Hoằng Hoá	130	28	23	82,1	38,3
15	Huyện Quảng Xương	110	53	40	75,5	30,8
16	Huyện Nga Sơn	60	28	42	150,0	38,2
17	Huyện Thạch Thành	60	22	32	145,5	53,3
18	Huyện Cẩm Thủy	55	25	27	108,0	49,1
19	Huyện Ngọc Lặc	60	16	20	125,0	33,3
20	Huyện Lang Chánh	25	5	2	40,0	8,0
21	Huyện Như Xuân	30	7	10	142,9	33,3
22	Huyện Như Thanh	35	19	9	47,4	25,7
23	Huyện Thường Xuân	30	9	6	66,7	20,0
24	Huyện Bá Thước	25	13	10	76,9	40,0
25	Huyện Quan Hoá	25	10	8	80,0	32,0
26	Huyện Quan Sơn	25	2	4	200,0	16,0
27	Huyện Mường Lát	15		2		13,3

Phụ lục 5
KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Thu ngân sách nhà nước						So sánh ước TH/DT(%)		Chi ngân sách huyện		
		Dự toán thu NSNN tỉnh giao	Trong đó		Ước thực hiện 6 tháng	Trong đó		Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tỉnh giao	Ước thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác					
A	B	1	2	3	5	6	7	9=5/1	10	11	12	13
	Tổng số	7.994.966	4.770.000	3.144.966	5.076.100	3.181.100	1.865.000	63%	59%	18.200.952	11.242.519	62%
1	TP. Thanh Hóa	3.036.604	1.970.000	1.064.104	1.692.270	990.143	699.364	56%	66%	1.919.528	1.494.448	78%
2	TP. Sầm Sơn	473.122	300.000	171.122	177.579	75.000	102.229	38%	59%	591.351	361.400	61%
3	TX. Bỉm Sơn	236.258	30.000	204.058	131.501	24.816	105.824	56%	52%	243.768	154.000	63%
4	H. Hà Trung	241.370	100.000	136.370	161.080	80.000	78.780	67%	57%	544.267	380.987	70%
5	H. Nga Sơn	313.943	250.000	59.943	234.245	200.000	33.695	75%	54%	788.105	551.674	70%
6	H. Hậu Lộc	268.339	200.000	65.839	208.299	165.000	42.899	78%	63%	801.965	529.297	66%
7	H. Hoằng Hóa	523.702	400.000	116.202	301.920	230.000	67.916	58%	58%	1.178.841	801.612	68%
8	Quảng Xương	298.107	210.000	83.107	226.706	180.000	46.206	76%	53%	799.430	399.718	50%
9	H. Tĩnh Gia	312.032	120.000	187.032	273.492	165.000	106.492	88%	56%	1.007.327	575.092	57%
10	Nông Cống	191.975	120.000	67.575	167.773	130.500	36.273	87%	52%	687.088	425.995	62%
11	H. Đông Sơn	207.479	130.000	75.979	134.527	90.500	41.027	65%	57%	437.258	288.590	66%
12	H. Triệu Sơn	280.210	180.000	95.810	170.705	120.000	50.455	61%	51%	871.193	522.716	60%
13	H. Thọ Xuân	315.088	200.000	106.438	212.931	140.000	70.431	68%	63%	1.056.498	718.419	68%
14	H. Yên Định	304.824	170.000	125.824	217.829	150.200	64.629	71%	50%	721.234	476.015	66%
15	H. Thiệu Hóa	176.701	110.000	63.501	181.148	140.300	39.348	103%	61%	594.756	380.644	64%
16	H. Vĩnh Lộc	120.752	70.000	48.552	157.259	130.000	25.959	130%	54%	429.485	266.281	62%
17	Thạch Thành	83.145	30.000	48.645	49.016	22.500	24.866	59%	50%	669.129	296.400	44%
18	H. Cẩm Thủy	108.822	55.000	50.822	93.934	65.000	27.934	86%	54%	513.364	297.751	58%

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Thu ngân sách nhà nước						So sánh ước TH/DT(%)		Chi ngân sách huyện		
		Dự toán thu NSNN tỉnh giao	Trong đó		Ước thực hiện 6 tháng	Trong đó		Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tỉnh giao	Ước thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác					
19	H. Ngọc Lặc	72.547	30.000	40.247	31.485	9.500	21.785	43%	52%	621.115	372.669	60%
20	Như Thanh	118.224	50.000	68.174	70.301	35.000	35.271	59%	52%	555.951	310.510	56%
21	Lang Chánh	20.341		20.141	11.066	2.000	8.766	54%	45%	349.040	171.648	49%
22	Bá Thước	46.451	5.000	41.401	30.956	11.641	19.273	67%	47%	619.832	311.310	50%
23	Quan Hóa	82.165		81.965	50.750	500	50.200	62%	61%	390.994	203.317	52%
24	Thường Xuân	78.873	15.000	63.723	43.900	8.500	35.250	56%	55%	642.070	344.642	54%
25	Như Xuân	60.846	25.000	35.596	32.150	13.500	18.500	53%	52%	447.419	237.296	53%
26	H. Mường Lát	10.726		10.676	5.920	500	5.420	55%	51%	345.958	175.618	51%
27	H. Quan Sơn	12.320		12.120	7.360	1.000	6.210	60%	52%	373.985	194.472	52%

Phụ lục 6:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP AN TOÀN
TRÊN TỔNG SẢN PHẨM TIÊU DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2020

Số TT	Tên đơn vị	Giao chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua chuỗi							
		Lúa gạo		Rau, quả		Thịt gia súc, gia cầm		Thủy sản	
		KH 2020	TH 6 tháng	KH 2020	TH 6 tháng	KH 2020	TH 6 tháng	KH 2020	TH 6 tháng
	Tổng	242.813	90.724	104.233	36.003	57.005	23.051	39.304	15.432
1	TP. Thanh Hóa	24.500	4.500	7.750	1.820	5.700	1.430	4.300	1.150
2	TP. Sầm Sơn	7.342	2.042	2.326	648	1.715	478	1.273	638
3	TX. Bim Sơn	5.000		3.500		700		300	
4	H. Đông Sơn	5.200	4.643	2.700	1.506	1.200	791	900	446
5	H. Quảng Xương	7.602	4.029	4.002	2.201	1.798	917	1.360	591
6	H. Hoằng Hóa	17.183	8.937	5.444	2.891	4.014	1.856	2.980	1.345
7	H. Hậu Lộc	13.765	9.936	6.351	3.335	2.910	1.589	3.087	1.110
8	H. Hà Trung	11.000	2.466	6.000	4.374	2.400	2.296	1.500	2.132
9	H. Nga Sơn	5.500	875	7.000	145	700	457	1.000	323
10	H. Thiệu Hóa	12.445	4.500	3.942	1.600	2.907	1.400	2.158	1.100
11	H. Triệu Sơn	8.000	5.800	6.000	2.000	3.300	1.150	500	150
12	H. Yên Định	13.261		8.201		4.475		1.352	
13	H. Tĩnh Gia	17.025		5.393	786	3.997	699	2.953	125
14	H. Nông Cống	15.000	8.205	7.800	3.964	3.500	2.295	2.500	1.462
15	H. Ngọc Lặc	9.235	5.149	2.925	1.750	2.080	1.124	1.602	836
16	H. Cẩm Thủy	7.700	115	2.439	50	1.779		1.335	
17	H. Thạch Thành	9.775	4.256	5.112	1.921	2.279	910	1.692	855
18	H. Vĩnh Lộc	5.196	3.399	2.800	1.456	1.224	695	946	489
19	H. Thọ Xuân	13.200	10.320	4.200	1.744	3.100	1.264	2.290	916
20	H. Như Thanh	6.373	3.857	2.019	1.117	1.489	878	1.105	443
21	H. Như Xuân	4.490	2.470	2.000	1.031	1.050	629	700	389
22	H. Thường Xuân	6.434	1.008	2.038	289	1.503	494	1.116	189
23	H. Lang Chánh	3.403	1.363	1.054	369	795	392	590	283
24	H. Bá Thước	7.119	2.675	2.255	945	1.663	1.245	1.234	435
25	H. Quan Hóa	318	130	100	40	74	32	55	25
26	H. Quan Sơn	2.747		870	17	641	25	476	
27	H. Mường Lát	4.000	48	12	4	12	5		

Phụ lục 7:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU XÂY DỰNG CHUỖI
CUNG ỨNG THỰC PHẨM AN TOÀN NĂM 2020

Số TT	Tên đơn vị	Lúa gạo			Rau, quả			Thịt gia súc, gia cầm			Thủy sản		
		KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành	KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành	KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành	KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành
	Tổng	62	53	21	60	50	23	73	55	23	37	32	10
I	Sở Nông nghiệp và PTNT				1	2		1	1		1	1	
II	UBND cấp huyện	62	53	21	59	48	23	72	54	23	36	31	10
1	TP. Thanh Hóa										1	1	
2	TP. Sầm Sơn												
3	TX. Bỉm Sơn				1	1		1	1				
4	H. Đông Sơn	1	1		1	1		1		1	1	1	
5	H. Quảng Xương	3		3	3		3	5		2	4	4	
6	H. Hoằng Hóa	0			0			0			0		
7	H. Hậu Lộc	5		8	2	7	2	6	6	7	5	3	4
8	H. Hà Trung	7	8		6	2	5	4	2	3	3		5
9	H. Nga Sơn	8	8		8	8		5	5		7	7	
10	H. Thiệu Hóa	1	1		1	1		1	1		1	1	
11	H. Triệu Sơn	6	13	7	3	5	3	5	3	2	3	4	1
12	H. Yên Định	2			2		2	5			1		
13	H. Tĩnh Gia	1	1		1	1		1	1		1	1	
14	H. Nông Cống	3		3	2		2	2	5	2	1	1	
15	H. Ngọc Lặc				7	2	4	3		3			
16	H. Cẩm Thủy	4	4					1	1				
17	H. Thạch Thành	5	5		2	2		1	1				
18	H. Vĩnh Lộc	2	0		1	1		1	1		1	1	

Số TT	Tên đơn vị	Lúa gạo			Rau, quả			Thịt gia súc, gia cầm			Thủy sản		
		KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành	KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành	KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành	KH năm 2020	Đang thực hiện	Đã hoàn thành
19	H. Thọ Xuân	5	5		5	5		4	4		4	4	
20	H. Như Thanh				2		2	5	2	3			
21	H. Như Xuân	3	3		4	4		2	2		2	2	
22	H. Thường Xuân	3	3		3	3		4	4		1	1	
23	H. Lang Chánh							5	5				
24	H. Bá Thước					1		7	9				
25	H. Quan Hóa												
26	H. Quan Sơn				3	3		1	1				
27	H. Mường Lát	3	1		2	1		2					

Phụ lục 8
TỶ LỆ THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2020

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch năm 2020	Trong đó		Kết quả 6 tháng đầu năm 2020	Trong đó	
			Xử lý bằng công nghệ đốt (%)	Xử lý bằng công nghệ chôn lấp (%)		Xử lý bằng công nghệ đốt (%)	Xử lý bằng công nghệ chôn lấp (%)
I	Khu vực đô thị						
1	TP. Thanh Hóa	95,5		95,5	98		98
2	TP. Sầm Sơn	93,5		93,5	93,5	1	92,5
3	Thị xã Bỉm Sơn	97		97	97		97
II	Khu vực đồng bằng						
4	Huyện Thọ Xuân	86	31,3	54,7	96,3	2	94,3
5	Huyện Đông Sơn	86	31,3	54,7	97		97
6	Huyện Nông Cống	86	31,3	54,7	94	31	63
7	Huyện Triệu Sơn	86	31,3	54,7	87	7	80
8	Huyện Hà Trung	86	31,3	54,7	86,9	26,1	60,8
9	Huyện Yên Định	86	31,3	54,7	89	61,7	27,3
10	Huyện Thiệu Hóa	86	31,3	54,7	86,7	31,3	55,4
11	Huyện Vĩnh Lộc	86	31,3	54,7	98	77,7	20,3
III	Khu vực ven biển						
12	Huyện Tĩnh Gia	86	60,7	25,3	86	60,7	25,3
13	Huyện Quảng Xương	86	60,7	25,3	86	60,7	25,3
14	Huyện Hoảng Hóa	86	60,7	25,3	86	60,7	25,3
15	Huyện Hậu Lộc	86	60,7	25,3	81	83,8	16,2
16	Huyện Nga Sơn	86	60,7	25,3	86	60,7	25,3
IV	Khu vực miền núi						
17	Huyện Thạch Thành	65	15,6	49,4	67	15,6	51,4
18	Huyện Cẩm Thủy	65	15,6	49,4	65	15,6	49,4
19	Huyện Ngọc Lặc	65	15,6	49,4	65	15,6	49,4
20	Huyện Lang Chánh	65	15,6	49,4	72,4	0	72,4
21	Huyện Như Xuân	65	15,6	49,4	84	41	43
22	Huyện Như Thanh	65	15,6	49,4	84,5	69,5	15
23	Huyện Thường Xuân	65	15,6	49,4	75	67,5	7,5
24	Huyện Bá Thước	65	15,6	49,4	65	15,6	49,4
25	Huyện Quan Hóa	65	15,6	49,4	65	15,6	49,4
26	Huyện Quan Sơn	65	15,6	49,4	78	30	48
27	Huyện Mường Lát	65	15,6	49,4	65	15,6	49,4

Phụ lục 9:
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2020 CỦA UBND TỈNH
(tính đến ngày 09/6/2020)

A. CÁC NỘI DUNG TRÌNH UBND TỈNH

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
I	Các nội dung UBND tỉnh đã họp, cho ý kiến			
1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 1, nhiệm vụ trọng tâm tháng 2 năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 1	
2	Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh năm 2020	Sở Tài chính	Tháng 1	
3	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình phát triển KKT Nghi Sơn, các KCN giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 288-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển KKT Nghi Sơn, các KCN giai đoạn 2021 - 2025	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN	Tháng 1	
4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 2, nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 2	
5	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Tháng 2	
6	Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 2	
7	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 2	
8	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 290-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tháng 2	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
9	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện khâu đột phá về nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật; chủ động, tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 2	
10	Báo cáo sơ kết triển khai thực hiện Kết luận số 891-KL/TU ngày 09/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Tháng 2	
11	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý I, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3	
12	Quy định mức đóng góp và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo Thông tư số 124/2018/TT-BCT ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Tháng 3	
13	Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2020	Sở Nội vụ	Tháng 3	
14	Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phòng chống tham nhũng quý I, kế hoạch thực hiện quý II năm 2020	Thanh tra tỉnh	Tháng 3	
15	Đề án thành lập các phường thuộc thành phố Thanh Hóa	UBND Tp Thanh Hóa	Tháng 3	
16	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoằng Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	UBND huyện Hoằng Hóa	Tháng 2	
17	Đề nghị ban hành mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Y tế	Tháng 5	Báo cáo trước tại Phiên họp tháng 3
18	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4, nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 4	
19	Báo cáo tình hình thực hiện khâu đột phá về cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 2	
20	Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện đột phá về cải cách hành chính, giai đoạn 2021-2025, tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư	Sở Nội vụ	Tháng 4	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
21	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5, nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 5	
22	Dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện khâu đột phá về phát triển hạ tầng giai đoạn 2021 - 2025, tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp và hạ tầng đô thị	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 4	
23	Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 5	
24	Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh	UBND huyện Lang Chánh	Tháng 4	
25	Đề án đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Hậu Lộc, xã Thịnh Lộc, Lộc Tân, Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	Tháng 6	
II	Các nội dung dự kiến báo cáo tại phiên họp thường kỳ tháng 6			
1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6	
2	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6	
3	Báo cáo tình hình thu chi ngân sách 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2020	Sở Tài chính	Tháng 6	
4	Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2020	Sở Nội vụ	Tháng 6	
5	Báo cáo tình hình tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân 06 tháng đầu năm 2020	Thanh tra tỉnh	Tháng 6	
6	Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phòng, chống tham nhũng 06 tháng đầu năm, kế hoạch thực hiện 06 tháng cuối năm 2020	Thanh tra tỉnh	Tháng 6	
III	Đề án đã báo cáo và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đang chỉ đạo hoàn chỉnh			
1	Rà soát các chính sách hết hiệu lực thi hành trong năm 2020 và đề xuất các chính sách cần xây dựng mới giai đoạn 2021 - 2025	Sở Tài chính	Tháng 2	
2	Dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục, y tế giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
3	Dự kiến các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Tây Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, trọng tâm là nâng cao hiệu quả sản xuất, sắp xếp bố trí ổn định dân cư, giảm nghèo nhanh bền vững	Ban Dân tộc	Tháng 3	
4	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2892/2009/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh về quy định xét chọn sản phẩm, hàng hóa tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ	Tháng 4	Đang được gia hạn
5	Kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 5	
IV	Các đề án không nằm trong Chương trình công tác năm 2020, đã báo cáo UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến			
1	Báo cáo một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu hạn chế tác động của dịch bệnh Covid-19 đến thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 2	
2	Phê duyệt mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa và Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn Thanh Hóa	Sở Tài chính	Tháng 2	
3	Kế hoạch xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 2	
4	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	UBND huyện Nga Sơn	Tháng 3	
5	Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040	Sở Xây dựng	Tháng 3	
6	Đề án đổi tên thôn (bản), tổ dân phố (tiểu khu) tại xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Thanh Hóa và các huyện: Nga Sơn, Quảng Xương, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Như Thanh, Quan Sơn	Sở Nội vụ	Tháng 3	
7	Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và việc giao quản lý, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính	Tháng 3	
8	Về điều chỉnh số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ năm 2020 trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Tháng 3	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
9	Về phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3	
10	Về phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3	
11	Sửa đổi, bổ sung một số quy định về công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Nội vụ	Tháng 4	
12	Phương án xử lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 4	
13	Chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài chính	Tháng 5	
14	Sửa đổi, bổ sung một số quy định điều chỉnh mức thu, lệ phí đối với một số phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Tháng 5	
15	Phương án bàn giao, tiếp nhận và quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng đặc dụng khu bảo tồn loài Sếu Tam Quy và diện tích rừng phòng hộ Hà Trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tháng 5	
V	Các đề án chưa hoàn thành			
1	Đề án thành lập thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định	UBND huyện Yên Định	Tháng 5	
2	Đề án đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Sầm Sơn	UBND TP Sầm Sơn	Tháng 6	Trong hạn

B. CÁC NỘI DUNG TRÌNH CHỦ TỊCH UBND TỈNH

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
I	Đề án đã hoàn thiện và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt			
1	Kế hoạch giải phóng mặt bằng năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý I	
2	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý I	
3	Kế hoạch đăng cai tổ chức Liên hoan văn hóa dân tộc Mường lần thứ II, năm 2020 tại Thanh Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý I	
4	Kế hoạch Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý I	
5	Kế hoạch tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/3/2005 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II	

Số TT	Nội dung	Cơ quan chuẩn bị	Thời gian báo cáo	Ghi chú
6	Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020	Sở Tài chính	Quý II	
II	Đề án đã báo cáo và Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đang chỉ đạo hoàn chỉnh			
1	Chương trình nâng cao năng lực quản lý chất lượng ATTP tại cơ sở trồng trọt đảm bảo nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý I	
2	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030	UBND huyện Hoằng Hóa	Quý I	
3	Quy hoạch xây dựng mở rộng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa	UBND huyện Hoằng Hóa	Quý I	
4	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II	
III	Đề án đã hoàn thành và đang bố trí lịch để báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến			
1	Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Nông nghiệp và PTNT vào Trường Cao đẳng Nông Lâm Thanh Hóa thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quý I	
2	Đề án sáp nhập Trường Trung cấp nghề Xây dựng và Trường Trung cấp Phát thanh - Truyền hình vào Trường CĐN Công nghiệp Thanh Hóa và lấy tên Trường CĐ Công nghiệp, Xây dựng và Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quý I	
IV	Các đề án chưa hoàn thành			
1	Đề án phát triển các sản phẩm chủ lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020 - 2025	Sở NN và PTNT	Quý II	Trong hạn (đang xem xét gia hạn sang Quý III)
2	Kế hoạch thực hiện các dự án theo hình thức đối tác đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II	Trong hạn
3	Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội đến năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II	Trong hạn
4	Đề án cấp cứu ngoại viện	Sở Y tế	Quý II	Trong hạn
5	Đề án mở rộng năng lực thử nghiệm, chứng nhận chất lượng cho Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản	Sở NN và PTNT	Quý II	Trong hạn
6	Đề án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương	UBND huyện Quảng Xương	Quý II	Trong hạn
7	Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	UBND huyện Quan Sơn	Quý II	Trong hạn
8	Quy hoạch tổng thể di tích cấp quốc gia động Từ Thức, huyện Nga Sơn	UBND huyện Nga Sơn	Quý II	Trong hạn